

CHÍNH PHỦ

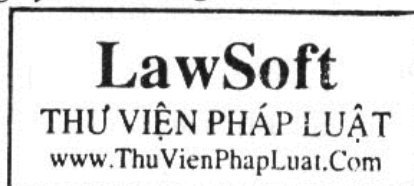
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2006



NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học,
cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn được hưởng chế độ cử tuyển, việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển, việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử tuyển vào đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

Điều 2. Chế độ cử tuyển

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh không qua thi tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp để đào tạo cán bộ, công chức, viên chức cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp.

2. Chế độ cử tuyển quy định tại Nghị định này bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và kinh phí đào tạo; phân công công tác cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp; bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp không chấp hành sự phân công công tác.

Điều 3. Nguyên tắc cử tuyển

Việc thực hiện chế độ cử tuyển phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
3. Cơ quan cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận, phân công công tác cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:
 - a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;
 - b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;
 - c) Được tiếp nhận và phân công công tác sau khi tốt nghiệp.
2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:
 - a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học về sự phân công công tác sau khi tốt nghiệp;
 - b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành học do cơ quan cử đi học phân công;
 - c) Phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo mức quy định tại Điều 13 Nghị định này nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, TỔ CHỨC TUYỂN CHỌN, TỔ CHỨC VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 5. Đối tượng và chỉ tiêu cử tuyển

1. Đối tượng cử tuyển

a) Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh, ưu tiên xét cử tuyển đối với các đối tượng là người dân tộc thiểu số. Tỷ lệ người dân tộc Kinh được cử tuyển không vượt quá 15% so với tổng số chỉ tiêu được giao.

b) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số mà dân tộc đó chưa có hoặc có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp so với số dân của dân tộc đó trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thường trú ở khu vực III, II (có thể xét cả đối tượng ở khu vực I trong trường hợp dân tộc thiểu số đó có rất ít cán bộ đạt trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp so với số dân của dân tộc đó trong phạm vi cả nước hoặc việc cử tuyển đối với các đối tượng này ở khu vực III, II không đủ chỉ tiêu được giao) từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh.

Các khu vực III, II, I nêu trên được xác định theo quy định phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chỉ tiêu cử tuyển

a) Chỉ tiêu cử tuyển được xác định theo từng năm, trong kế hoạch tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp của Nhà nước và được cơ quan có thẩm quyền giao theo từng ngành nghề, trình độ đào tạo;

b) Chỉ tiêu cử tuyển đối với đối tượng quy định tại mục b khoản 1 Điều này phải được giao riêng trong tổng chỉ tiêu cử tuyển giao hàng năm cho các địa phương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 6. Tiêu chuẩn được hưởng chế độ cử tuyển

Tiêu chuẩn người được hưởng chế độ cử tuyển gồm:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc trung cấp) đối với đối tượng được cử tuyển vào đại học, cao đẳng và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông đối với đối tượng được cử tuyển vào trung cấp; xếp loại hạnh kiểm năm cuối

cấp (hoặc xếp loại rèn luyện năm cuối khóa) đạt loại khá trở lên; xếp loại học tập năm cuối cấp (hoặc cuối khóa) đạt trung bình trở lên đối với người dân tộc thiểu số và loại khá trở lên đối với người dân tộc Kinh.

2. Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển.

3. Không quá 25 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

4. Không thuộc biên chế Nhà nước.

Điều 7. Tổ chức cử tuyển (ngoài cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an)

1. Quy trình tổ chức cử tuyển:

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của địa phương đề xuất chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề, trình độ đào tạo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xét và giao chỉ tiêu cử tuyển cho Ủy ban nhân dân các tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tuyển chọn; đặt hàng đào tạo theo chế độ cử tuyển với các cơ sở giáo dục và quyết định cử người đi học theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định và chỉ tiêu được giao; báo cáo kết quả cử tuyển với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tuyển sinh giúp Ủy ban thực hiện công tác cử tuyển. Thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm có:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các thành viên khác gồm: đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Trưởng phòng Giáo dục chuyên nghiệp của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng quản lý đào tạo nghề của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, quy định thủ tục, hồ sơ đăng ký học theo chế độ cử tuyển.

Điều 8. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo dự bị đại học, cao đẳng

a) Người được cử tuyển để đào tạo trình độ đại học, cao đẳng phải học một năm dự bị. Việc tổ chức đào tạo và xét tuyển vào học chính thức tại các cơ sở giáo dục được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Sau khi kết thúc một năm học dự bị, nếu người học không đủ điều kiện tuyển vào học chính thức tại các cơ sở giáo dục thì được học lưu ban không quá một năm. Trong năm học lưu ban, người học được hưởng các quyền và thực hiện nghĩa vụ như năm học thứ nhất.

2. Đào tạo chính thức

a) Khi học chính thức tại các cơ sở giáo dục, người học theo chế độ cử tuyển được đào tạo trong hệ thống giáo dục chính quy và bố trí học chung với các người học khác của cơ sở giáo dục theo ngành đào tạo đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng với các cơ sở giáo dục;

b) Việc tổ chức đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 9. Kinh phí đào tạo cử tuyển

1. Kinh phí để đào tạo người học theo chế độ cử tuyển được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo hàng năm theo các quy định hiện hành.

Học bổng chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển do ngân sách địa phương bảo đảm và cấp trực tiếp cho người học theo chế độ học bổng chính sách của Nhà nước.

2. Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chi trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục theo cơ chế Nhà nước đặt hàng.

Điều 10. Cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

1. Bộ Quốc phòng căn cứ quy định tại Nghị định này, chủ trì, phối hợp với Bộ

Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức cử tuyển, tổ chức đào tạo và cấp kinh phí đào tạo cử tuyển đối với các đối tượng, chỉ tiêu quy định tại Điều 5, đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề do Bộ Quốc phòng quản lý để đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật cho Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Công an căn cứ quy định tại Nghị định này, chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức cử tuyển, tổ chức đào tạo và cấp kinh phí đào tạo cử tuyển đối với các đối tượng, chỉ tiêu quy định tại Điều 5, đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định này vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề do Bộ Công an quản lý để đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật cho Bộ Công an.

Chương III

TIẾP NHẬN, PHÂN CÔNG CÔNG TÁC VÀ BỒI HOÀN HỌC BỔNG, CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 11. Tiếp nhận, phân công công tác cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

1. Hàng năm, các cơ sở giáo dục gửi danh sách, bản giao hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển tốt nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận và phân công công tác cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

3. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ phân công công tác theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 6 tháng, kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp. Quá thời hạn 6 tháng không nhận được sự phân công theo quy định của Nghị định này thì người học theo chế độ cử tuyển có quyền tự đi tìm việc làm và không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

Điều 12. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng chi phí đào tạo:

1. Người bị kỷ luật buộc thôi học hoặc tự thôi học nhưng không có lý do chính đáng được cơ quan cử đi học chấp thuận.

2. Người không chấp hành sự phân công công tác theo quy định tại Nghị định này sau khi tốt nghiệp.

3. Người có thời gian làm việc dưới 60 tháng (đối với người học trình độ đại học, cao đẳng) và dưới 36 tháng (đối với người học trình độ trung cấp) theo sự phân công công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người bị kỷ luật không được phân công công tác sau khi tốt nghiệp hoặc bị thôi việc trong thời gian đang chấp hành sự phân công công tác.

Điều 13. Mức bồi hoàn, cách tính bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

1. Mức tiền bồi hoàn bao gồm học bổng chính sách cho người học và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước đài thọ. Tiền bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Cách tính tiền bồi hoàn

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 12 Nghị định này, cách tính tiền bồi hoàn được xác định như sau:

$$TS = (HB + CF) \times n$$

Trong đó TS là tổng số tiền phải bồi hoàn; HB là học bổng chính sách người học được hưởng trong một năm; CF là chi phí đào tạo người học trong một năm; n là số năm mà người học đã học theo chế độ cử tuyển.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định này, cách tính tiền bồi hoàn được xác định như sau:

$$TS = \frac{T - t}{T} \times (HB + CF) \times n$$

Trong đó T là thời gian người được cử tuyển phải chấp hành sự phân công công tác; t là thời gian làm việc người được cử tuyển đã chấp hành theo sự phân công công tác; các ký hiệu: TS, HB, CF và n xác định theo quy định tại mục a khoản này.

Điều 14. Tiếp nhận, phân công công tác và bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng căn cứ vào quy định tại Nghị định này, quy định cụ thể việc tiếp nhận, phân công công tác và việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các trường cao đẳng nghề và trung cấp nghề.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo thẩm quyền chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo, tiếp nhận, phân công công tác và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

4. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn và bố trí ngân sách thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định tại Nghị định này.

5. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ của các địa phương nhằm thực hiện chế độ cử tuyển đúng mục đích, yêu cầu.

6. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương xác định phạm vi, mức độ của các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và việc phân vùng khu vực theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp chỉ tiêu cử tuyển do các Bộ, ngành, địa phương đề xuất để đưa vào kế hoạch hàng năm và 5 năm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đề xuất chỉ tiêu cử tuyển, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tổ chức tuyển chọn và cử người đi học theo quy định.
2. Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để thực hiện chế độ cử tuyển và bố trí ngân sách thực hiện theo quy định tại Nghị định này.
3. Phối hợp với các cơ sở giáo dục để quản lý người học theo chế độ cử tuyển trong quá trình đào tạo.
4. Tiếp nhận, phân công công tác cho người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.
5. Có trách nhiệm thu hồi tiền bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với các trường hợp phải bồi hoàn theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và xử lý các trường hợp không thực hiện việc bồi hoàn.
6. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
7. Có chính sách tạo nguồn tuyển sinh đối với các đối tượng cử tuyển quy định tại mục b khoản 1 Điều 5 trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh các dân tộc này vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

1. Tiếp nhận người học theo chế độ cử tuyển và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định.
2. Định kỳ hàng năm thông báo cho cơ quan cử người đi học về kết quả học tập và rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển, thời gian tốt nghiệp đối với người học năm cuối khóa.
3. Bàn giao cho cơ quan cử người đi học hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp hoặc trong trường hợp thôi học.
4. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả đào tạo cử tuyển với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ cử tuyển theo thẩm quyền.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 20. Hướng dẫn thi hành

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng